

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt đề cương và dự toán nhiệm vụ: Điều tra, đánh giá hiện trạng và lập kế hoạch thực hiện đạt các tiêu chí thành phố ASEAN bền vững về môi trường

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Công văn số 779/TCMT-KHHT ngày 29/3/2021 của Tổng cục Môi trường về việc đề cử thành phố tham gia Giải thưởng và Chứng chỉ thành phố ASEAN bền vững về môi trường năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành đơn giá hoạt động quan trắc môi trường, quan trắc và dự báo tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 1503/UBND-MT ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị việc đề cử thành phố tham gia Giải thưởng và Chứng chỉ thành phố ASEAN bền vững về môi trường năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình số 33/TTr-PTNMT ngày 18/01/2022 và của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố tại Báo cáo thẩm định số 179/BC-TCKH ngày 25/02/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương và dự toán xây dựng Điều tra, đánh giá hiện trạng và lập kế hoạch thực hiện đạt các tiêu chí thành phố ASEAN bền vững về môi trường với các nội dung như sau:

1. Tên nhiệm vụ: Điều tra, đánh giá hiện trạng và lập kế hoạch thực hiện đạt các tiêu chí thành phố ASEAN bền vững về môi trường

2. Cơ quan chủ trì thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đông Hà.

3. Đơn vị lập dự toán: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị.

4. Thời gian thực hiện: Năm 2022.

5. Mục tiêu nhiệm vụ

- Đánh giá hiện trạng các chỉ số về không khí sạch, nước sạch, đất sạch theo khuôn khổ hợp tác giữa Việt Nam và các nước ASEAN khác về môi trường để lựa chọn tiêu chí tham gia Giải thưởng và Chứng chỉ thành phố ASEAN bền vững về môi trường cho thành phố Đông Hà.

- Lập kế hoạch thực hiện đạt các chỉ số về không khí sạch, nước sạch, đất sạch cho thành phố Đông Hà trong thời gian đến.

6. Nội dung thực hiện

6.1. Thu thập thông tin, dữ liệu; điều tra, khảo sát bổ sung

a, Các chỉ số về không khí sạch

- Thu thập thông tin về hiện trạng chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố.

- Tổ chức đo đạc, lấy mẫu môi trường không khí đại diện trong các tháng mùa khô (tháng 5 đến tháng 8) với 4 thông số: CO, SO₂, NO₂, PM10.

- Thu thập thông tin về kết quả quan trắc khí thải của các cơ sở sản xuất trên địa bàn thành phố.

- Thu thập thông tin về lượng xăng, xăng sinh học, dầu Diesel bán ra. Tỷ lệ sử dụng xăng sinh học.

- Thu thập thông tin về tổng lượng xe chạy bằng xăng, xe chạy bằng dầu và tổng lượng xe trên địa bàn thành phố.

b, Các chỉ số về nước sạch

- Thu thập thông tin số hộ gia đình được cung cấp nước máy, tổng lượng nước máy cấp cho mục đích sinh hoạt của người dân, tổng lượng nước ngọt khai thác trong năm, trữ lượng nước ngọt trên địa bàn thành phố.

- Thu thập thông tin về chất lượng nước sau xử lý.

- Thu thập số hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, các cơ sở kinh doanh dịch vụ, các cơ quan, ban ngành đóng trên địa bàn thành phố có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt được đấu nối với hệ thống thoát nước của khu vực (của thành phố) và số hộ gia đình có lượng nước thải được thu gom về trạm xử lý tập trung của thành phố.

- Thu thập tổng dân số, tổng số hộ dân trên địa bàn thành phố tại Chi cục Thống kê thành phố.

- Thu thập thông tin tổng lượng nước mặt được khai thác sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt trên địa bàn.

- Thu thập thông tin về việc lồng ghép chương trình bảo tồn tài nguyên nước vào chương trình dạy học.

c, Các chỉ số về đất sạch

- Thu thập thông tin về tình hình thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, tỷ lệ thu gom rác thải, số lượng phương tiện vận chuyển rác thải (phương tiện thu gom có mái che, lộ trình thu gom từ điểm tập kết đến khu vực xử lý), tỷ lệ tái chế rác thải trên địa bàn thành phố.

- Thu thập thông tin về diện tích cây xanh khu vực công cộng, rừng, cây xanh vườn nhà dân; quy hoạch không gian của thành phố, diện tích tuân thủ đúng theo quy hoạch không gian thành phố; diện tích các hệ sinh thái tự nhiên (không bị tác động hoặc bị tác động nhẹ của quá trình phát triển kinh tế - xã hội) hoặc các hệ tự nhiên được con người phục hồi, diện tích của tất cả các khu vực dễ thấm (bao gồm các khu vực có hệ sinh thái tự nhiên, các công viên, thảm thực vật bên đường,...) và tổng diện tích trên cạn của thành phố.

6.2. Tổng hợp, đánh giá

- Các chỉ số về không khí sạch
- Các chỉ số về nước sạch
- Các chỉ số về đất sạch

6.3. Lập kế hoạch thực hiện

- Đánh giá những ưu, nhược điểm của các tiêu chí thành phố ASEAN bền vững về môi trường khi thực hiện đối với thành phố Đông Hà.

- Phân tích các thế mạnh của thành phố Đông Hà khi thực hiện tiêu chí thành phố ASEAN bền vững về môi trường.

- Đánh giá, lựa chọn 01 tiêu chí trong 03 tiêu chí để tham gia Giải thưởng.
- Lập kế hoạch thực hiện đạt tiêu chí đã lựa chọn với các nội dung như sau:
 - + Xây dựng lộ trình thực hiện;
 - + Nội dung thực hiện;
 - + Nguồn nhân lực thực hiện (phân rõ nội dung thực hiện, gán trách nhiệm cho từng phòng, ban trên địa bàn thành phố);
 - + Nguồn kinh phí thực hiện;
 - + Hoạt động theo dõi, giám sát, cập nhật thường xuyên.

7. Phạm vi và phương pháp thực hiện

7.1. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn thành phố Đông Hà

7.2. Phương pháp thực hiện

- Phương pháp thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu có sẵn
- Phương pháp điều tra và khảo sát
- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp các bên liên quan.
- Phương pháp xử lý thông tin
- Phương pháp đánh giá, tổng hợp xây dựng báo cáo

8. Sản phẩm

- 01 báo cáo tổng hợp;

- 04 báo cáo chuyên đề:
- + 03 báo cáo đánh giá (báo cáo đánh giá về không khí sạch; báo cáo đánh giá về nước sạch và báo cáo đánh giá về đất sạch);
- + 01 kế hoạch thực hiện đạt tiêu chí thành phố ASEAN bền vững về môi trường cho thành phố Đông Hà.

9. Kinh phí thực hiện: **259.390.000 đồng**

(*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi chín triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng*)

Trong đó:

a, Chi phí trực tiếp:	177.847.925 đồng
- Chi phí lập và thẩm định đề cương:	5.800.000 đồng
- Chi phí nhân công thu thập thông tin, dữ liệu, điều tra khảo sát:	42.282.925 đồng
- Chi phí đo đạc, phân tích chất lượng môi trường không khí:	108.765.000 đồng
- Chi phí lập báo cáo:	21.000.000 đồng
b, Chi phí quản lý chung:	26.677.189 đồng
c, Chi phí khác:	31.284.000 đồng
d, Thuế VAT (10%):	23.580.911 đồng
Tổng cộng	259.390.025 đồng
Làm tròn	259.390.000 đồng

10. Nguồn vốn: Kinh phí sự nghiệp Môi trường năm 2022.

Điều 2. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố phối hợp với Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị tổ chức thực hiện các nội dung được phê duyệt tại Điều 1, quản lý và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND thành phố, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố và Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- KBNN tỉnh Quảng Trị;
- CVP, PVP, CVVP;
- Lưu: VT, TC-KH. *Chữ*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Dũng